

Bản án số: **02/2019/KDTM-ST**
Ngày: 11/01/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng cung cấp
và lắp đặt thiết bị.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu – Thư ký Tòa án nhận dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2016/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST-KDTM ngày 21/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Điện tử B.**

Địa chỉ: đường H, phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức M - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phùng Minh T, sinh năm 1965, địa chỉ: đường P, Phường R, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2018. (Có mặt)

Bị đơn: **Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ V.**

Địa chỉ: đường U, Phường F, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Tiến S - sinh năm 1972; là Giám đốc

Địa chỉ: đường U, Phường F, quận X. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong các bản tự khai và hòa giải tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Điện tử B có Ông Phùng Minh T trình bày:

Ngày 25 tháng 12 năm 2014 Công ty Cổ phần Điện tử B (sau đây gọi tắt là Công ty B hoặc nguyên đơn) và Công ty V (Sau đây gọi tắt là Công ty V hoặc bị đơn) ký Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị số 02/2014/ĐTBH-BACHVIET. Giá trị hợp đồng là: 1.342.000.000đồng. Theo hợp đồng Công ty B cung cấp và lắp đặt hệ thống Camera quan sát và hệ thống âm thanh thông báo tại công trình Khách sạn Bavico số 2 đường Q, thành phố A, tỉnh Khánh Hòa do Công ty V là chủ đầu tư;

Ngày 20 tháng 10 năm 2015 Công ty B và Công ty V ký Biên bản thanh lý Hợp đồng số 02/2014/ĐTBH-BACHVIET ngày 25/12/2014. Theo đó Công ty V xác nhận Công ty B đã hoàn tất khối lượng theo hợp đồng đã ký và giá trị quyết toán là 1.342.000.000 đồng;

Ngày 18 tháng 3 năm 2016 Công ty V đã ký văn bản cam kết thanh toán cho Công ty B số tiền nợ 842.000.000 đồng chậm nhất đến hết tháng 06/2016 nhưng phía Công ty V vẫn không thực hiện cam kết;

Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty V ký bảng xác nhận công nợ theo đó tính đến ngày 31/12/2016 Công ty V còn nợ Công ty B số tiền là 747.000.000 đồng;

Ngày 10 tháng 03 năm 2017 Công ty V ký bản Cam kết thanh toán cho Công ty B số tiền nợ là 747.000.000 đồng, tuy nhiên phía Công ty V vẫn không thực hiện trả nợ như cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 09/9/2016 Công ty V đã thanh toán cho Công ty B với số tiền là 595.000.000 đồng. Số tiền còn nợ chưa thanh toán là 747.000.000 đồng;

Tại Điều 7.2 của hợp đồng nói trên, hai bên có thỏa thuận mức tiền phạt do vi phạm thanh toán là 0,5%/tuần đối với số tiền chậm thanh toán, nhưng tổng mức phạt không vượt quá 5% giá trị của hợp đồng; nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 747.000.000 đồng và tiền phạt do vi phạm thanh toán là $1.342.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 67.100.000 \text{ đồng}$.

Ngày 07/11/2018, nguyên đơn nộp đơn tính lại tiền phạt do vi phạm thanh toán là $747.000.000 \text{ đồng} \times 8\% = 59.760.000 \text{ đồng}$ nên rút lại một phần yêu cầu là chỉ yêu cầu số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 59.760.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Công ty V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B số tiền nợ là **806.760.000 đồng**, trong đó bao gồm: 747.000.000 đồng tiền nợ gốc và 59.760.000 đồng tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng số tiền là **806.760.000 đồng**, trong đó bao gồm 747.000.000 đồng tiền nợ gốc và 59.760.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không rõ ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế về việc cung cấp và lắp đặt thiết bị số 02/2014/ĐTBH-BACHVIET ngày 25/12/2014 giữa Công ty Cổ phần Điện tử B với Công ty V thì giữa hai bên đã phát sinh quan hệ Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị, nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên khởi kiện, xét đơn khởi kiện của Công ty B là phù hợp khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn: Căn cứ giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 3600254548, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/9/2017 thì người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là Ông Lê Đức M – Tổng giám đốc. Căn cứ giấy uỷ quyền ngày 12/3/2018, Ông Lê Đức M uỷ quyền cho Ông Phùng Minh T đại diện cho nguyên đơn tham gia tố tụng, việc uỷ quyền của đương sự là phù hợp với quy định pháp luật.

- Bị đơn: Căn cứ giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0302668347 đăng ký lần đầu ngày 18/7/2002, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 08/07/2015 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty V là ông Đinh Tiến S – Giám đốc và trụ sở chính đăng ký tại địa chỉ đường U, Phường F, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bị đơn đến tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vắng mặt 2 lần không có lý do cũng không có ý kiến, yêu cầu gì gửi cho Tòa án và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Nội dung tranh chấp:

Công ty B cho rằng Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng số 02/2014/ĐTBH-BACHVIET ngày 25/12/2014 nên khởi kiện. Đây là nội dung tranh chấp cần xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị số 02/2014/ĐTBH-BACHVIET ngày 25/12/2014, hóa đơn giá trị gia tăng số 0005023 ngày 19/11/2015, biên bản xác định công nợ ngày 31/12/2016 và cam kết ngày 10/3/2017 có đủ cơ sở xác định Công ty V có nợ Công ty B số tiền 747.000.000 đồng tiền mua và lắp đặt thiết bị. Nguyên đơn cho rằng bị đơn mặc dù ngày 10/3/2017 có cam kết thanh toán mỗi tuần 20.000.000 đồng kể từ ngày 16/3/2017 nhưng thực tế bị đơn không thanh toán bất kỳ số tiền nào trong tổng số nợ 747.000.000 đồng, nên nguyên đơn mới khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ cho bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến Tòa theo giấy triệu tập, đồng thời cũng không có ý kiến phản đối hay tranh chấp đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, Hội đồng xét xử có thể hiểu rằng bị đơn chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại năm 2005, bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ của nguyên đơn là 747.000.000 đồng và đối với tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là $747.000.000 \text{ đồng} \times 8\% = 59.760.000 \text{ đồng}$ là phù hợp với Điều 7.2 của hợp đồng nói trên và phù hợp với Điều 301 Luật Thương mại năm 2005; Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Việc nguyên đơn điều chỉnh yêu cầu khởi kiện; tự nguyện rút lại một phần yêu cầu là tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán $67.100.000 \text{ đồng} - 59.760.000 \text{ đồng} = 7.340.000 \text{ đồng}$ trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Do Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B trong việc thực hiện hợp đồng và theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/12/2016. Tính cho đến nay thì số nợ vốn tồn đọng gần 2 năm, vì vậy cần ấn định cho Công ty V phải trả hết số tiền cho Công ty B ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là hợp lẽ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên phía bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 806.760.000 đồng phải trả cho nguyên đơn theo qui định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và căn cứ điểm b, mục 3, khoản 1 phần I của Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, khoản 1, khoản 2 Điều 50, Điều 301, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị7 quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và căn cứ điểm d, mục 3, khoản 1 phần I của Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Quốc hội;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Cổ phần Điện tử B:

Buộc Công ty V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Điện tử B số tiền 806.760.000 (*Tám trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn*) đồng, trong đó bao gồm: 747.000.000 đồng tiền nợ gốc và 59.760.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng, để hai bên chấm dứt việc tranh chấp nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị số 02/2014/ĐTBH-BACHVIET ngày 25/12/2014.

- Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Địa điểm thi hành: Tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Công ty V chậm thanh toán số tiền ghi trên thì phải chịu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 36.202.800 (*Ba mươi sáu triệu, hai trăm lẻ hai ngàn, tám trăm*) đồng, Công ty V phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 18.210.000 (*Mười tám triệu, hai trăm mười ngàn*) đồng cho Công ty Cổ phần Điện tử B theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008066 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ. Viện

kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Tân Bình;
- THA DS Q. Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Đức